

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn, chia tài
sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hoàng Văn Ph trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị U kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do

tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 02 tháng 02 năm 1985. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ năm 2018, vợ chồng ông sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Nay ông Ph xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà U, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị U trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng giữa bà với ông Hoàng Văn Ph và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như ông Ph trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bà là do vợ chồng không hợp nhau, ông Ph có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, đối xử tệ bạc với vợ con. Nay bà U xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Ph, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông Ph và bà U thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh năm 1989, Hoàng Thị L, sinh năm 1991 và Hoàng Thị M, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trên 18 tuổi và lao động tự lập được nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Ông Ph và bà U thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ph và bà U thống nhất xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: Diện tích đất 454m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ PL3, đứng tên người sử dụng đất là Ông Hoàng Văn Ph, bà Nguyễn Thị U tại thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 341778 được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp ngày 30/5/2006 và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà mái bằng một tầng đã cũ và công trình phụ đã cũ. Nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ ông Ph tặng cho và ông bà có mua thêm một phần để tạo thành thửa đất nêu trên. Nguồn gốc ngôi nhà mái bằng là do bố mẹ ông Ph xây dựng từ năm 1979 lợp mái ngói, sau khi được bố mẹ cho sử dụng thì đến năm 2002 ông Ph, bà U dỡ mái ngói và cải tạo thành nhà mái bằng như hiện nay.

Ngoài ra, ông Ph và bà U đều xác định trước đây ông bà có cho chị gái ông Ph là bà Hoàng Thị Y ở nhờ trên một phần thửa đất, bà Y đã làm nhà mái bằng và ở ổn định đến nay.

Quan điểm của ông Ph không yêu cầu chia tài sản là nhà đất nêu trên mà muốn vợ chồng để lại toàn bộ cho các con để sau này làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Quan điểm của bà U trong quá trình giải quyết vụ án yêu cầu chia đôi nhà đất nêu trên để mỗi người đều có chỗ ở ổn định. Tại phiên tòa bà U xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng; công sức đóng góp; công nợ và diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn: Ông Ph, bà U không yêu cầu giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Y trình bày: Bà là chị gái của ông Hoàng Văn Ph, bố mẹ bà sinh được 07 người con trong đó có 06 người con gái, chỉ có mình ông Ph là con trai. Mẹ bà chết năm 1995, bố bà chết năm 2008. Khi bố mẹ bà còn sống đã tặng cho vợ chồng ông Ph, bà U nhà đất hiện nay ông Ph, bà U đang ở và ông Ph, bà U cũng mua của người khác một thửa đất liền kề sát bên trong nhập vào chung là thửa đất số 98, diện tích đất ở 454m², tờ bản đồ PL3, địa chỉ tại thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Trước đây bà xây dựng gia đình riêng và sống ở thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1995 chồng bà chết, khoảng năm 1998 bà trở về quê làm ngôi nhà tạm trên thửa đất của bố mẹ bà cho ông Ph, bà U. Năm 2007 bố bà đã trao đổi với vợ chồng ông Ph và vợ chồng ông Ph đã đồng ý cho bà xây nhờ trên đất một căn nhà mái bằng một tầng, diện tích hơn 30m² trên thửa đất số 98 nêu trên. Nay ông Ph, bà U ly hôn, bà có nguyện vọng tiếp tục được ở nhờ trên phần đất mà bà đã ở ổn định như hiện nay vì khi còn sống, bố bà đã có ý kiến phần đất bố mẹ đã cho ông Ph thì sau này không được bán vì đây là đất của ông cha, đồng thời bố bà thấy bà góa bụa, có hoàn cảnh khó khăn nên có ý kiến ông Ph phải cho bà ở nhờ trên đất này đến hết cuộc đời.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 218, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn Ph: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn Ph và bà Nguyễn Thị U. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị U. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho bà U tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Văn Ph và bà Nguyễn Thị U là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/02/1985 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và hay nghi ngờ nhau trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề. Nay cả ông Ph và bà U đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông Ph và bà U thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ph và bà U là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông Ph và bà U có 03 con chung là Hoàng Thị P, sinh năm 1989, Hoàng Thị L, sinh năm 1991 và Hoàng Thị M, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng*: Ông Ph, bà U thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Ông Ph và bà U cùng thống nhất xác định vợ chồng có tài sản chung là diện tích 454m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số PL3 toạ lạc tại thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân

huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 341778 ngày 30/5/2006 mang tên ông Hoàng Văn Ph và bà Nguyễn Thị U, tài sản trên đất là 01 nhà mái bằng một tầng diện tích 72m² và nhà bếp, nhà kho, mái tôn, sân bê tông. Nay bà U xin rút yêu cầu chia tài sản chung, còn ông Ph không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà U, không xem xét giải quyết ở vụ án này. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] *Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về chi phí tố tụng*: Bà U đã nộp tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định, định giá tài sản cũng như trích đo thửa đất là 15.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án đã chi phí tố tụng tổng số tiền là 4.600.000 đồng và đã trả lại cho bà U số tiền 10.400.000 đồng. Nay bà U xin rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về khoản tiền chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Ông Ph, bà U thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản bà U đã nộp, do bà U rút yêu cầu phân chia tài sản nên sẽ trả lại cho bà U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn Ph và bà Nguyễn Thị U.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Nguyễn Thị U.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Án phí: Ông Hoàng Văn Ph và bà Nguyễn Thị U mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Ph và bà U, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ph đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002073 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thành án phí ly hôn ông, bà phải chịu. (Ông Ph, bà U đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn Ph số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị U số tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp là 6.243.000đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002111 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Ngọc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

